

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 832/2020/HNGĐ-PT  
Ngày: 31-8-2020  
V/v Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Bà Ngô Thị Kim Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 439/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3925/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Đường M1, khu phố X1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Mỹ H, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Đường M2, Khu phố X2, phường N2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

(Giấy ủy quyền ngày 01/4/2019)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Đường M1, phố X1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1949 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường M1, tổ Y, khu phố X1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Kim O.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Lê Thị Kim O:

Bà và ông Nguyễn Ngọc L ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 229/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2015 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong Quyết định thuận tình ly hôn, về phần tài sản chung bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà và ông L không thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là đất tọa lạc tại huyện T, tỉnh Tây Ninh gồm:

- Phần đất có diện tích 604m<sup>2</sup>, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19, bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O theo sổ vào sổ cấp GCN: CH06684 ngày 01/8/2011.

- Phần đất có diện tích 390,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 19, bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O theo sổ vào sổ cấp GCN: CH06685 ngày 01/8/2011.

Bà yêu cầu được nhận phần đất lớn hơn vì hiện tại bà đang nuôi dưỡng hai con bà muốn có chỗ ở ổn định.

Khi mua đất bà phải vay nợ của bạn bè, mẹ bà. Hiện nay bà đã trả được nợ cho bạn bè bà, nhưng còn nợ của mẹ bà là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Tuy nhiên, khi làm đơn ly hôn vì muốn ly hôn nên bà mới xác định hai người không còn nghĩa vụ trả nợ với ai. Nay bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay nợ của mẹ bà vì không có chứng cứ.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà O về khối tài sản được tạo lập. Nhưng ông không đồng ý chia đôi tài sản, ông yêu cầu được lấy phần đất lớn hơn, không đồng ý giao phần đất lớn cho bà O.

Bà O nói còn nợ bà ngoại số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng, ông không đồng ý. Trong năm 2013 và 2014 bà O tự lấy tiền xây nhà cho mẹ tổng là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Khi ly hôn thì bà O xác định không còn nợ nữa, nên chắc chắn ông bà không còn nợ ai nữa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị L trình bày:

Số tiền mà bà cho ông L và bà O vay không có giấy tờ gì cũng như không có bất kỳ chứng cứ nào, nay ông L không nhận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà nữa.

Tại bản án số 439/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Căn cứ vào các Điều 27, 29, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Xác định quyền sử dụng đất tại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06684 ngày 01/8/2011 có diện tích 604m<sup>2</sup>, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CH06685 ngày 01/8/2011 có diện tích 390,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O.

2. Chia đôi tổng diện tích đất tại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06684 ngày 01/8/2011 có diện tích 604m<sup>2</sup>, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CH06685 ngày 01/8/2011 có diện tích 390,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O.

Ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O mỗi người được hưởng quyền sử dụng đất có diện tích là 497,15m<sup>2</sup>.

Khi bản án có hiệu lực thi hành, bà O và ông L có quyền yêu cầu thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền và tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận sang tên cho từng người riêng biệt.

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim O tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hoàn trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành đối với các khoản tiền nêu trên mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### 4. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Ngọc L mỗi người phải nộp 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bà O đã nộp 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017341 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khấu trừ đi số tiền này bà O còn phải nộp 15.500.000 (mười năm triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, bà Lê Thị Kim O kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu: Bà được nhận tài sản có diện tích 604m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06684 ngày 01/8/2011 Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

#### *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Ngọc Lý đã thỏa thuận được về chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50 như sau:

Bà Lê Thị Kim O sở hữu phần đất có diện tích 390,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06685 ngày 01/8/2011 và 1 phần đất tại thửa 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06684 ngày 01/8/2011, diện tích là: chiều ngang 2m, chiều dài: theo chiều dài thửa đất số 247 giáp với thửa đất 394.

Ông Nguyễn Ngọc L sở hữu 1 phần đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06684 ngày 01/8/2011 (sau khi giảm trừ diện tích là 2m chiều ngang và chiều dài theo chiều dài đất cho bà Oanh, vị trí là giáp ranh thửa 394 tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06685 ngày 01/8/2011).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim O làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

**[2] Về nội dung:**

Ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Kim O đề nghị công nhận sự thỏa thuận của hai bên theo như nội dung đã nêu tại phiên tòa phúc thẩm. Việc thỏa thuận của ông L và bà O là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được công nhận. Do đó, cấp phúc thẩm sửa phần này của án sơ thẩm, việc sửa án không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo phát sinh hiệu lực thi hành.

**[3] Về án phí phúc thẩm:** Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng vào các Điều 27, Điều 29, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim O.

Sửa bản án sơ thẩm,

Công nhận sự thỏa thuận của các đương như sau:

Bà Lê Thị Kim O sở hữu phần đất có diện tích 390,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06685 ngày 01/8/2011 và 1 phần đất tại thửa 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CH06684 ngày 01/8/2011, diện tích là: chiều ngang 2m, chiều dài: theo chiều dài thửa đất số 247 giáp với thửa đất 394.

Ông Nguyễn Ngọc L sở hữu 1 phần đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06684 ngày 01/8/2011 (sau khi giảm trừ diện tích là 2m chiều ngang và chiều dài theo chiều dài đất cho bà Oanh, vị trí là giáp ranh thửa 394 tờ bản đồ số 19, Bộ địa chính xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06685 ngày 01/8/2011).

Ông L và bà O có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện cấp giấy chứng nhận sang tên phần đất mà mình sở hữu theo quy định pháp luật.

2. Ông Nguyễn Ngọc L phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim O tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hoàn trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành đối với các khoản tiền nêu trên mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

#### 3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Ngọc L mỗi người phải nộp 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bà O đã nộp 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017341 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khấu trừ đi số tiền này bà O còn phải nộp 15.500.000 (mười năm triệu, năm trăm ngàn) đồng.

#### 3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Kim O chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0104647 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- Chi Cục THADS huyện T,  
tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**